

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM LÂM ĐỒNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2025

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06 - 36
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 36

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 5800408245 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 30 ngày 28 tháng 08 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 31 Ngô Văn Sở, Phường 9, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà: Đinh Thị Mộng Vân	Chủ tịch	
Ông Đỗ Thành Trung	Thành viên	
Ông Trần Chí Sơn	Thành viên	
Ông Nguyễn Phú Cường	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 27 tháng 09 năm 2024)
Ông Nguyễn Lương Tâm	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 27 tháng 09 năm 2024)
Ông Lê Trung Thành	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 27 tháng 09 năm 2024)
Ông Nguyễn Công Lâm	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 27 tháng 09 năm 2024)

Các thành viên của Giám đốc Nhà máy đã điều hành năm trong Công ty và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Đỗ Thành Trung	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 15 tháng 08 năm 2024)
Ông: Nguyễn Công Lâm	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 15 tháng 08 năm 2024)
Ông: Đặng Minh Tuyền	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 06 tháng 09 năm 2024)
		(Miễn nhiệm ngày 12 tháng 05 năm 2025)
Bà: Lê Thúy Hằng	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 17 tháng 07 năm 2024)
Bà: Phan Thị Cúc Hương	Giám đốc tài chính	(Miễn nhiệm ngày 15 tháng 07 năm 2024)
Ông: Nguyễn Thanh Tùng	Phụ trách Tài chính và Kiểm soát trực thuộc Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 02 tháng 06 năm 2025)

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông: Nguyễn Đình Chương	Trưởng ban	
Bà: Nguyễn Thị Yến	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 27 tháng 09 năm 2024)
Ông: Nguyễn Lương Tâm	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 27 tháng 09 năm 2024)
Ông: Phạm Hữu Hà	Thành viên	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính riêng này là Ông Đỗ Thành Trung - Tổng Giám đốc.

Ông Nguyễn Hồng Đức - Giám đốc nhà máy được ông Đỗ Thành Trung ủy quyền ký Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2025 theo Giấy Ủy quyền số 248/UQ-CTCP-HCNS ngày 09/10/2024.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập đã được kiểm toán phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong quá trình lập đã được kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày đã được kiểm toán không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong đã được kiểm toán hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng đã được kiểm toán tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã được kiểm toán đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/03/2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Giám đốc Nhà máy
Nguyễn Hồng Đức

Lâm Đồng, ngày 28 tháng 06 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng được lập ngày 28 tháng 06 năm 2025, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 03 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng tại ngày 31 tháng 03 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến Thuyết minh số 31 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó mô tả về chủ trương và tiến độ đã hoàn thành sáp nhập Công ty TNHH Chế biến Điều xuất khẩu Lâm Đồng vào Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Ngọc Lân

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1427-2023-002-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2025

Bùi Thị Loan

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 4927-2022-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/03/2025	01/04/2024
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		133.215.969.960	126.013.955.853
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	04	4.664.321.560	17.435.175.447
111	1. Tiền		4.664.321.560	12.435.175.447
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	5.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	05	61.346.165.292	60.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		61.346.165.292	60.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		16.292.140.578	5.159.554.018
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	06	6.499.415.707	4.151.614.789
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	07	64.639.712	252.269.403
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	08	9.000.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	09	728.085.159	755.669.826
140	IV. Hàng tồn kho	10	48.575.374.013	41.395.556.696
141	1. Hàng tồn kho		48.575.374.013	41.395.556.696
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.337.968.517	2.023.669.692
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	1.471.005.282	1.183.019.212
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	170.161.233
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	866.963.235	670.489.247
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		43.440.674.677	50.495.198.543
220	I. Tài sản cố định		40.095.773.639	45.925.080.324
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	40.095.773.639	45.925.080.324
222	- Nguyên giá		131.715.692.861	138.865.523.057
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(91.619.919.222)	(92.940.442.733)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	-	-
228	- Nguyên giá		314.162.500	314.162.500
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(314.162.500)	(314.162.500)
260	II. Tài sản dài hạn khác		3.344.901.038	4.570.118.219
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	3.344.901.038	4.570.118.219
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		176.656.644.637	176.509.154.396

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025

(tiếp theo)

Mã	NGUỒN VỐN	Thuyết	31/03/2025	01/04/2024
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		4.744.697.370	5.093.628.113
310	I. Nợ ngắn hạn		4.744.697.370	5.013.628.113
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	939.190.880	1.423.408.034
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		289.968.400	180.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	2.199.107.902	1.979.632.282
314	4. Phải trả người lao động		1.015.777.795	1.226.032.424
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	16	164.808.425	105.031.405
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		-	80.000.000
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		135.843.968	199.343.968
330	II. Nợ dài hạn		-	80.000.000
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		-	80.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		171.911.947.267	171.415.526.283
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	171.911.947.267	171.415.526.283
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		146.571.500.000	146.571.500.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		146.571.500.000	146.571.500.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		-	9.933.986.561
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		25.340.447.267	14.910.039.722
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		24.844.026.283	34.169.305.534
421b	LNST chưa phân phối năm nay		496.420.984	(19.259.265.812)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		176.656.644.637	176.509.154.396

Người lập



Đinh Thị Ngọc Hạnh

Kế toán trưởng



Phan Anh Tú

Lâm Đồng, ngày 28 tháng 06 năm 2025

Giám đốc Nhà máy




Nguyễn Hồng Đức

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính từ ngày 01/04/2024 đến ngày 31/03/2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/04/2024 đến 31/03/2025	Từ 01/04/2023 đến 31/03/2024
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	72.680.886.007	202.510.490.901
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20	710.729.539	1.097.182.658
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		71.970.156.468	201.413.308.243
11	4. Giá vốn hàng bán	21	62.819.881.828	207.468.222.301
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		9.150.274.640	(6.054.914.058)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	2.515.872.363	1.497.273.206
22	7. Chi phí tài chính	23	52.446.435	503.099.477
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	206.654.699
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	24	2.506.353.409	5.328.386.072
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	8.826.549.009	10.882.529.813
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		280.798.150	(21.271.656.214)
31	12. Thu nhập khác	26	884.755.281	840.273.910
32	13. Chi phí khác	27	669.132.447	1.095.614.690
40	14. Lợi nhuận khác		215.622.834	(255.340.780)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		496.420.984	(21.526.996.994)
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		-	-
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	(2.267.731.182)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		496.420.984	(19.259.265.812)
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		496.420.984	(19.259.265.812)
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		-	-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	34	(1.314)

Người lập

Kế toán trưởng

Lâm Đồng, ngày 28 tháng 06 năm 2025

Giám đốc Nhà máy

Đinh Thị Ngọc Hạnh

Phan Anh Tú



Nguyễn Hồng Đức

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính từ ngày 01/04/2024 đến ngày 31/03/2025
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/04/2024 đến 31/03/2025	Từ 01/04/2023 đến 31/03/2024
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		496.420.984	(21.526.996.994)
	2. Điều chỉnh cho các khoản		2.490.881.958	946.767.140
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		5.468.779.624	6.081.995.107
03	- Các khoản dự phòng		-	(4.415.000.000)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(37.416.782)	(20.077.046)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.940.480.884)	(906.805.620)
06	- Chi phí lãi vay		-	206.654.699
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		2.987.302.942	(20.580.229.854)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(2.144.566.591)	12.856.973.017
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(7.179.817.317)	85.416.413.624
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(125.430.743)	(1.467.783.725)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		858.661.171	539.801.128
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	(206.654.699)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(63.500.000)	(8.800.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(5.667.350.538)	76.549.719.491
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(43.099.921)	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		944.222.225	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(76.346.165.292)	(60.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		66.000.000.000	500.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.464.122.857	393.849.456
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(6.980.920.131)	(59.106.150.544)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		-	18.293.955.007
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(160.000.000)	(29.102.093.157)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(160.000.000)	(10.808.138.150)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(12.808.270.669)	6.635.430.797

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính từ ngày 01/04/2024 đến ngày 31/03/2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/04/2024 đến 31/03/2025	Từ 01/04/2023 đến 31/03/2024
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		17.435.175.447	10.771.516.101
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		37.416.782	28.228.549
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	04	<u>4.664.321.560</u>	<u>17.435.175.447</u>

Lâm Đồng, ngày 28 tháng 06 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc Nhà máy



Đinh Thị Ngọc Hạnh



Phan Anh Tú



Nguyễn Hồng Đức

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Cho năm tài chính từ ngày 01/04/2024 đến ngày 31/03/2025***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 5800408245 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 30 ngày 28 tháng 08 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 31 Ngô Văn Sở, Phường 9, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Vốn điều lệ của Công ty là: 146.571.500.000 đồng; tương đương 14.657.150 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2025 là: 84 người (tại ngày 31 tháng 03 năm 2024 là: 101 người).

Lĩnh vực kinh doanh: Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh thương mại, dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Chế biến rượu các loại, nhân điều xuất khẩu và các loại nông sản thực phẩm;
- Kinh doanh dịch vụ thương mại, đầu tư tài chính;
- Trồng và sản xuất các loại cây nông sản;
- Kinh doanh thiết bị máy móc chuyên dùng để chế biến thực phẩm và sản phẩm của doanh nghiệp;
- Điều hành tua du lịch;
- Đại lý du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm tài chính 2024, doanh thu thuần của Công ty có sự tăng trưởng nhẹ 3,58 tỷ VND tương ứng mức tăng 5,23% so với cùng kỳ năm trước, làm cho lợi nhuận gộp tăng 1,41 tỷ VND tương ứng mức tăng 18,23% so với năm trước. Có được mức tăng trưởng mạnh mẽ về lợi nhuận gộp như trên do đóng góp chủ yếu từ sự tăng trưởng của các hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch. Ngoài ra, lợi nhuận trước thuế của Công ty năm nay cũng có sự tăng trưởng mạnh xấp xỉ 22,03 tỷ VND so với năm trước, nguyên nhân chủ yếu từ việc năm nay Công ty không phát sinh khoản chi phí trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi và dự phòng tổn thất khoản đầu tư vào Công ty TNHH Chế biến Điều xuất khẩu Lâm Đồng.

Năm 2023, do nắm bắt trước được tình hình sản xuất kinh doanh mặt hàng nhân điều để xuất khẩu của Công ty TNHH Chế biến Điều xuất khẩu Lâm Đồng (Sau đây gọi tắt là Công ty Điều) không mang lại hiệu quả, việc tiếp tục sản xuất kinh doanh có thể gây ra những thiệt hại cho Công ty. Do đó Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua phương án dừng hoạt động kinh doanh chế biến nhân điều và sáp nhập Công ty Điều vào Công ty mẹ để trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Ngày 24 tháng 08 năm 2023, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 đã thông qua Nghị quyết số 173/NQ-CPTP-ĐHĐCĐ phê duyệt phương án sáp nhập này. Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, trong năm 2024, Công ty đã thực hiện việc sáp nhập Công ty Điều vào Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng, trong đó đã tiến hành bàn giao các tài sản, công nợ cho Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng. Đến thời điểm 31/03/2025, Công ty đã thực hiện ghi nhận toàn bộ giá trị tài sản và nợ phải trả của Công ty Điều vào Báo cáo tài chính theo Biên bản bàn giao số liệu, tài sản ngày 09/07/2024. Ngoài ra, Công ty Điều đã hoàn thành nghĩa vụ thuế, đóng mã số thuế và chấm dứt hoạt động kinh doanh.

Cấu trúc tập đoàn

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/03/2025 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Chế biến Điều xuất khẩu Lâm Đồng	Lâm Đồng	100%	100%	Chế biến điều xuất khẩu

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/04 và kết thúc vào ngày 31/03 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2025.

Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

2.4. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm: Căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng giai đoạn sản xuất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị văn phòng	03 năm
- Vườn cây lâu năm	15 năm
- Phần mềm quản lý	05 năm

Trong năm, đối với tài sản cố định là Nhà hầm vang, Công ty vừa sử dụng để sản xuất kinh doanh, vừa sử dụng để cho thuê. Tuy nhiên, hợp đồng cho thuê triển khai trong ngắn hạn nên toàn bộ giá trị của tài sản được Công ty theo dõi trên khoản mục tài sản cố định. Tại ngày 31/03/2025, nguyên giá tài sản cố định đang sử dụng và cho thuê ước tính là 11.729.440.118 VND, hao mòn lũy kế là 2.580.476.839 VND.

2.12. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ không quá 3 năm.
- Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 3 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 12 đến 36 tháng.

2.14. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15. Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.18. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì Công ty ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì Công ty ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.20. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.21. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22. Thuế thu nhập doanh nghiệp**a) Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2025, Công ty được áp dụng các mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.24. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;

- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25. Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3. SÁP NHẬP CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN ĐIỀU XUẤT KHẨU LÂM ĐỒNG

Công ty TNHH Chế biến Điều xuất khẩu Lâm Đồng (Sau đây gọi tắt là Công ty Điều) được sáp nhập vào Công ty trong kỳ theo Nghị quyết số 173/NQ-CPTP-ĐHĐCĐ ngày 24/08/2023 của Đại hội đồng cổ đông, Công ty tiến hành giải thể Công ty Điều và sáp nhập toàn bộ tài sản và nợ phải trả của Công ty Điều vào Công ty. Theo đó, Công ty kế thừa toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ của Công ty Điều theo Biên bản bàn giao số liệu, tài sản ngày 09/07/2024. Vào ngày sáp nhập có hiệu lực, Công ty thực hiện ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính theo nguyên tắc sau:

- Công ty ghi giảm giá trị ghi sổ khoản đầu tư vào Công ty Điều;
- Ghi nhận toàn bộ tài sản, nợ phải trả của Công ty Điều bị giải thể vào Bảng cân đối kế toán của Công ty theo giá trị trên sổ kế toán của Công ty Điều tại ngày sáp nhập.

Giá trị của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Công ty Điều tại ngày sáp nhập được trình bày dưới đây:

Diễn giải	Giá trị tại ngày sáp nhập
	VND
Tài sản	
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.386.794
Tài sản ngắn hạn khác	379.132.843
Tài sản cố định hữu hình	1.955.941.170
Cộng Tài sản	2.363.460.807
Nợ phải trả	
Phải trả người bán ngắn hạn	-
Phải trả người lao động	279.743.537
Phải trả ngắn hạn khác (1)	17.197.237.719
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	80.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	80.000.000
Cộng Nợ phải trả	17.636.981.256
Tổng giá trị tài sản thuần	(15.273.520.449)
Giá trị khoản đầu tư vào Công ty Điều	15.000.000.000
Chênh lệch giữa giá trị tài sản thuần và giá phí đầu tư	(30.273.520.449)
Giá trị dự phòng khoản đầu tư tài chính đã trích lập tại 01/04/2024	15.000.000.000
Lỗ sau khi nhận sáp nhập Công ty Điều (2)	(15.273.520.449)
(1) Khoản Công ty Điều phải trả Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng tại thời điểm sáp nhập. Công ty đã bù trừ với khoản nợ phải thu khác (Thuyết minh số 9)	17.197.237.719
Dự phòng nợ phải thu khó đòi Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng đã trích lập cho khoản nợ phải thu Công ty Điều tại ngày 01/04/2024 (Thuyết minh số 9)	15.235.673.686
Lỗ sau khi được bù đắp bằng việc hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi (4) = (2) + (3)	(37.846.763)

Công ty đã ghi nhận giá trị 37.846.763 VND trên chi tiêu Chi phí khác trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2025. Chi tiết tại Thuyết minh số 27.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/03/2025	01/04/2024
	VND	VND
Tiền mặt	191.726.450	295.068.909
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.472.595.110	12.140.106.538
Các khoản tương đương tiền	-	5.000.000.000
	4.664.321.560	17.435.175.447

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/03/2025		01/04/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	61.346.165.292	-	60.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	61.346.165.292	-	60.000.000.000	-
	61.346.165.292	-	60.000.000.000	-

(*) Tại ngày 31/03/2025, khoản đầu tư ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 06 tháng đến 12 tháng có giá trị 61.346.165.292 VND được gửi tại các Ngân hàng TMCP với lãi suất từ 4,5%/năm đến 6%/năm.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/03/2025		01/04/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH W.E.I Việt Nam	3.257.099.871	-	2.561.847.353	-
- Công ty TNHH Một thành viên LADOFOODS	2.332.150.679	-	-	-
- Các khách hàng khác	910.165.157	-	1.589.767.436	-
	6.499.415.707	-	4.151.614.789	-

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/03/2025		01/04/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Weifang Hanzhou Company LTD	55.035.814	-	44.284.296	-
- Các khoản trả trước người bán khác	9.603.898	-	207.985.107	-
	64.639.712	-	252.269.403	-

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	01/04/2024		Trong năm		31/03/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Tăng	Giảm	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>						
- Công ty Cổ phần Elmich	-	-	15.000.000.000	6.000.000.000	9.000.000.000	-
	-	-	15.000.000.000	6.000.000.000	9.000.000.000	-
	-	-	15.000.000.000	6.000.000.000	9.000.000.000	-

Thông tin chi tiết về các khoản cho vay như sau:

	Hợp đồng cho vay	Loại tiền	Mục đích vay	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Hình thức bảo đảm	01/04/2024	31/03/2025
							VND	VND
Bên liên quan								
Công ty Cổ phần Elmich	Số 02/ELM-VDL ngày 02/10/2024	VND	Phục vụ sản xuất kinh doanh	5,5%/năm	6 tháng	Tín chấp	-	9.000.000.000
							-	4.000.000.000
Công ty Cổ phần Elmich	Số 01/ELM-VDL ngày 21/01/2025	VND	Phục vụ sản xuất kinh doanh	5,5%/năm	6 tháng	Tín chấp	-	5.000.000.000
							-	-
							9.000.000.000	-

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/03/2025		01/04/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Phải thu lãi cho vay, lãi tiền gửi	527.288.888	-	512.956.164	-
- Tạm ứng	18.846.271	-	60.763.662	-
- Ký cược, ký quỹ	3.000.000	-	3.000.000	-
- Phải thu khác	178.950.000	-	178.950.000	-
	728.085.159	-	755.669.826	-

Trong đó phải thu là các bên liên quan

- Công ty Cổ phần Elmich	159.123.288	-	-	-
	159.123.288	-	-	-

10. HÀNG TỒN KHO

	31/03/2025		01/04/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Hàng mua đang đi đường	-	-	442.527.073	-
- Nguyên liệu, vật liệu	18.913.929.992	-	17.436.411.989	-
- Công cụ, dụng cụ	1.153.800.043	-	1.227.148.967	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	16.714.973.719	-	11.752.218.535	-
- Thành phẩm	10.818.300.493	-	9.566.966.210	-
- Hàng hóa	974.369.766	-	970.283.922	-
	48.575.374.013	-	41.395.556.696	-

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ dùng trong quản lý	Vườn cây lâu năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	53.804.969.621	57.951.447.497	5.199.317.182	2.914.700.855	18.995.087.902	138.865.523.057
- Mua trong năm	-	43.099.921	-	-	-	43.099.921
- Thanh lý, nhượng bán	-	(6.231.593.754)	(961.336.363)	-	-	(7.192.930.117)
Số dư cuối năm	53.804.969.621	51.762.953.664	4.237.980.819	2.914.700.855	18.995.087.902	131.715.692.861
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	30.426.593.097	51.142.333.705	4.929.269.145	2.643.229.207	3.799.017.579	92.940.442.733
- Khấu hao trong năm	2.349.256.904	1.532.971.903	63.619.467	178.022.217	1.266.339.193	5.390.209.684
- Thanh lý, nhượng bán	-	(5.749.396.832)	(961.336.363)	-	-	(6.710.733.195)
Số dư cuối năm	32.775.850.001	46.925.908.776	4.031.552.249	2.821.251.424	5.065.356.772	91.619.919.222
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	23.378.376.524	6.809.113.792	270.048.037	271.471.648	15.196.070.323	45.925.080.324
Tại ngày cuối năm	21.029.119.620	4.837.044.888	206.428.570	93.449.431	13.929.731.130	40.095.773.639

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 56.440.057.540 VND.

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính có nguyên giá là 314.162.500 VND, giá trị hao mòn lũy kế đến thời điểm 31/03/2025 là 314.162.500 VND, giá trị khấu hao trong năm là 0 VND.

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 314.162.500 VND.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/03/2025	01/04/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Chi phí bản quyền phần mềm Oracle	1.387.287.147	1.177.035.962
- Các khoản khác	83.718.135	5.983.250
	1.471.005.282	1.183.019.212
b) Dài hạn		
- Chi phí giải phóng mặt bằng dự án trồng nho (*)	3.016.158.404	3.094.728.344
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	247.735.903	289.819.297
- Phần mềm ERP	-	774.941.344
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	81.006.731	279.249.607
- Các khoản khác	-	131.379.627
	3.344.901.038	4.570.118.219

(*) Giá trị bồi thường giải phóng mặt bằng trả cho các hộ gia đình, các nhân khai hoang để có quyền thuê đất 50 năm đối với 169.856 m² đất tại xã Mỹ Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận, tổng giá trị ban đầu là 3.296.584.000 VND. (Xem thêm tại Thuyết minh số 18).

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/03/2025		01/04/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	364.744.575	364.744.575	122.104.850	122.104.850
- Công ty Cổ phần Megram	364.744.575	364.744.575	122.104.850	122.104.850
<i>Bên khác</i>	574.446.305	574.446.305	1.301.303.184	1.301.303.184
- Braz Bastos & Sousa Pinto LDA	-	-	656.276.420	656.276.420
- Công ty Cổ Phần Đông Á	97.923.600	97.923.600	191.402.676	191.402.676
- Công ty TNHH In Bao Bì Quốc Bảo	106.859.574	106.859.574	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	369.663.131	369.663.131	453.624.088	453.624.088
	939.190.880	939.190.880	1.423.408.034	1.423.408.034

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	209.021.610	502.827.174	5.308.473.294	4.989.193.637	-	613.085.221
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	1.469.864.879	20.813.175.927	20.702.896.481	-	1.580.144.325
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	656.234.050	656.234.050	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	461.467.637	-	21.073.442	-	440.394.195	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	4.537.829	91.468.266	91.600.539	-	4.405.556
- Thuế tài nguyên	-	2.402.400	102.408.200	103.337.800	-	1.472.800
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	1.015.483.063	1.442.052.103	426.569.040	-
- Các loại thuế khác	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
	670.489.247	1.979.632.282	28.013.316.242	27.990.314.610	866.963.235	2.199.107.902

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16. PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	31/03/2025	01/04/2024
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	89.057.396	30.280.376
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	6.098.620	6.098.620
- Các khoản phải trả phải nộp khác	69.652.409	68.652.409
<i>Phải trả khác</i>	<i>69.652.409</i>	<i>68.652.409</i>
	164.808.425	105.031.405

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	146.571.500.000	9.933.986.561	36.437.036.716	192.942.523.277
Lỗi trong năm trước	-	-	(21.526.996.994)	(21.526.996.994)
Số dư cuối năm trước	146.571.500.000	9.933.986.561	14.910.039.722	171.415.526.283
Số dư đầu năm nay	146.571.500.000	9.933.986.561	14.910.039.722	171.415.526.283
Lãi trong năm trước	-	-	496.420.984	496.420.984
Hoàn nhập Quỹ đầu tư phát triển (*)	-	(9.933.986.561)	9.933.986.561	-
Số dư cuối năm nay	146.571.500.000	-	25.340.447.267	171.911.947.267

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 211/NQ-CTCP-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 09 năm 2024, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua việc hoàn nhập toàn bộ số dư Quỹ đầu tư phát triển tại ngày 31/03/2024 là 9.933.986.561 VND vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty.

Đồng thời, tại Nghị quyết số 211/NQ-CTCP-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 09 năm 2024, Đại hội đồng cổ đông cũng đã thông qua kế hoạch chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền mặt khi đủ điều kiện trả cổ tức theo quy định của pháp luật với tỷ lệ tối đa là 15% mệnh giá cổ phần, tương đương 1.500 VND/ cổ phần. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2025, Công ty chưa thực hiện tạm ứng cổ tức. Cổ tức năm 2024 sẽ được phân phối sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Megram	74.752.820.000	51,00%	74.752.820.000	51,00%
Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP (VLC) (Công ty Cổ phần GTNFoods đã sáp nhập vào VLC)	56.132.170.000	38,30%	56.132.170.000	38,30%
Cổ đông khác	15.686.510.000	10,70%	15.686.510.000	10,70%
	146.571.500.000	100%	146.571.500.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/04/2024 đến 31/03/2025	Từ 01/04/2023 đến 31/03/2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	146.571.500.000	146.571.500.000
- Vốn góp cuối năm	146.571.500.000	146.571.500.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	6.098.620	6.098.620
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	6.098.620	6.098.620

d) Cổ phiếu

	31/03/2025	01/04/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.657.150	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	14.657.150	14.657.150
- Cổ phiếu phổ thông	14.657.150	14.657.150
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.657.150	14.657.150
- Cổ phiếu phổ thông	14.657.150	14.657.150
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND):	10.000	10.000

e) Các quỹ của Công ty

	31/03/2025	01/04/2024
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	-	9.933.986.561
	-	9.933.986.561

18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản cho thuê ngoài

Lô đất	Diện tích thuê	Thời gian thuê	Mục đích thuê
Hầm vang Đà Lạt tại thôn Phát Chi, xã Trạm Hành, thành phố Đà Lạt	100 m ²	Từ tháng 04/2024 đến tháng 03/2025	Trung bày và bán các sản phẩm rượu vang

Công ty hiện đang cho thuê tài sản là Hầm vang Đà Lạt tại thôn Phát Chi, xã Trạm Hành, thành phố Đà Lạt theo hợp đồng thuê hoạt động với giá thuê 1 năm là 600.000.000 VND.

b) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại Lâm Đồng để phục vụ sản xuất kinh doanh, cụ thể như sau:

Tên lô đất/Địa điểm lô đất	Diện tích thuê	Thời gian thuê	Mục đích thuê
Số 31, 32 Ngô Văn Sở, phường 9, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	8.593,0 m ²	50 năm từ ngày 01/01/1996	Sản xuất kinh doanh
Lô 2, 4, 6 điểm Công nghiệp Phát Chi, xã Xuân Trường, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm	19.258,9 m ²	50 năm từ ngày 02/04/2009	Xây dựng nhà máy chế biến rượu vang
Lô đất tại xã Trạm Hành, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	30.220,8 m ²	Từ 02/02/2015 đến 02/04/2059	Xây dựng nhà máy sản xuất rượu vang
Lô đất tại xã Mỹ Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận	169.856 m ²	50 năm từ ngày 26/10/2016	Phát triển vùng nguyên liệu nho
Quốc lộ 20 Thị trấn Ma Đa Guôi - Đoạn từ Cổng trạm biến thế đến km 84	18.096 m ²	Đến hết ngày 13/06/2062	Sản xuất kinh doanh

Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

c) Ngoại tệ các loại

	Đơn vị tính	31/03/2025	01/04/2024
Đô la Mỹ	USD	36.701,59	1.436,81

d) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/03/2025	01/04/2024
	VND	VND
- Hebei Cangzhou New Century Foreign	124.172.814	124.172.814
	124.172.814	124.172.814

19. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/04/2024 đến 31/03/2025	Từ 01/04/2023 đến 31/03/2024
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	2.174.028.617	833.511.033
Doanh thu bán thành phẩm	68.447.178.224	200.326.976.568
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.059.679.166	1.350.003.300
	72.680.886.007	202.510.490.901
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 33)	187.037.038	74.621.510

20. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Từ 01/04/2024 đến 31/03/2025	Từ 01/04/2023 đến 31/03/2024
	VND	VND
- Hàng bán bị trả lại	710.729.539	1.097.182.658
	710.729.539	1.097.182.658

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/04/2024 đến 31/03/2025	Từ 01/04/2023 đến 31/03/2024
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.498.746.988	250.159.480
Giá vốn của thành phẩm đã bán	61.321.134.840	211.633.062.821
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) giảm giá hàng tồn kho	-	(4.415.000.000)
	62.819.881.828	207.468.222.301

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/04/2024 đến 31/03/2025	Từ 01/04/2023 đến 31/03/2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.478.455.581	906.805.620
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	570.390.540
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	37.416.782	20.077.046
	2.515.872.363	1.497.273.206
Trong đó: Doanh thu tài chính từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 33)	166.356.164	74.794.520

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/04/2024 đến 31/03/2025	Từ 01/04/2023 đến 31/03/2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	-	206.654.699
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	52.446.435	295.541.039
Chi phí tài chính khác	-	903.739
	52.446.435	503.099.477

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/04/2024 đến 31/03/2025	Từ 01/04/2023 đến 31/03/2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	36.816.985	1.074.859.676
Chi phí nhân công	607.879.915	945.005.125
Chi phí khấu hao tài sản cố định	816.496.073	909.033.460
Chi phí dịch vụ mua ngoài	395.021.473	1.627.238.963
Chi phí quảng cáo, khuyến mại	455.035.274	523.050.138
Chi phí khác bằng tiền	195.103.689	249.198.710
	2.506.353.409	5.328.386.072

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/04/2024 đến 31/03/2025	Từ 01/04/2023 đến 31/03/2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	151.756.656	89.085.787
Chi phí nhân công	4.711.018.435	6.422.575.971
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	210.145.961
Thuế, phí, và lệ phí	1.023.534.063	641.829.592
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.757.172.937	2.015.878.281
Chi phí khác bằng tiền	183.066.918	1.503.014.221
	8.826.549.009	10.882.529.813
Trong đó: Chi phí quản lý doanh nghiệp mua của các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 33)	1.692.564.115	1.455.882.720

26. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/04/2024 đến 31/03/2025	Từ 01/04/2023 đến 31/03/2024
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	462.025.303	150.094.455
Tiền phạt thu được	422.520.814	675.400.000
Thu nhập khác	209.164	14.779.455
	884.755.281	840.273.910

27. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/04/2024 đến 31/03/2025	Từ 01/04/2023 đến 31/03/2024
	VND	VND
Các khoản bị phạt	2.375.664	107.377.033
Chi phí thuê đất và Khấu hao tài sản không sử dụng tại Nhà máy điều	435.410.020	73.457.596
Lỗi từ giao dịch sáp nhập (Chi tiết tại Thuyết minh số 3)	37.846.763	-
Chi phí khác	193.500.000	914.780.061
	669.132.447	1.095.614.690

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Từ 01/04/2024 đến 31/03/2025	Từ 01/04/2023 đến 31/03/2024
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	496.420.984	(19.259.265.812)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	496.420.984	(19.259.265.812)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	14.657.150	14.657.150
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34	(1.314)

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2025, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/04/2024 đến 31/03/2025	Từ 01/04/2023 đến 31/03/2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	49.405.129.076	97.069.855.455
Chi phí nhân công	11.940.035.844	13.889.946.051
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.204.533.414	6.008.537.511
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.591.755.706	7.657.432.064
Chi phí khác bằng tiền	2.726.672.685	4.018.572.256
	78.868.126.725	128.644.343.337

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: Rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/03/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.472.595.110	-	-	4.472.595.110
Phải thu khách hàng, phải thu khác	7.227.500.866	-	-	7.227.500.866
Các khoản cho vay	70.346.165.292	-	-	70.346.165.292
	82.046.261.268	-	-	82.046.261.268
Tại ngày 01/04/2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.140.106.538	-	-	17.140.106.538
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4.907.284.615	-	-	4.907.284.615
Các khoản cho vay	60.000.000.000	-	-	60.000.000.000
	82.047.391.153	-	-	82.047.391.153

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/03/2025				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	1.103.999.305	-	-	1.103.999.305
	1.103.999.305	-	-	1.103.999.305
Tại ngày 01/04/2024				
Vay và nợ	80.000.000	80.000.000	-	160.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	1.528.439.439	-	-	1.528.439.439
	1.608.439.439	80.000.000	-	1.688.439.439

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31. THÔNG TIN KHÁC

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 173/NQ-CPTP-ĐHĐCĐ ngày 24/08/2023, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua việc sáp nhập Công ty TNHH Chế biến Điều xuất khẩu Lâm Đồng (sau đây gọi là Công ty Điều) vào Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng. Ngày 25/03/2024, Công ty đã ký Hợp đồng sáp nhập số 52/2024/HĐSN-CTCP để sáp nhập Công ty Điều và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần 29, ngày 01/04/2024 sau khi sáp nhập. Hai bên đã ký Biên bản bàn giao số liệu, tài sản ngày 09/07/2024 để thực hiện các thủ tục sáp nhập.

Ngày 28/08/2024, Cục thuế tỉnh Lâm Đồng đã có Thông báo số 4787/TB-CTLĐO về việc Công ty Điều đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế để nộp hồ sơ giải thể. Ngày 03/12/2024, Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng đã ra thông báo về việc chấm dứt tồn tại Công ty TNHH Chế biến Điều xuất khẩu Lâm Đồng.

Ngày 12/09/2024, đại diện Sở Công Thương tỉnh Lâm Đồng, đại diện huyện Đa Huoai và đại diện Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng họp, trao đổi thông tin, phương án hoạt động của Công ty Điều. Công ty đã báo cáo tiến độ sáp nhập và kế hoạch hoạt động, sử dụng hạ tầng tại Công ty Điều trong thời gian tới. Đại diện huyện Đa Huoai và Sở Tài chính đề nghị Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng rà soát, đánh giá phương án cụ thể hoạt động của nhà máy điều Đa Huoai trong thời gian tới.

Ngày 14/10/2024, Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng đã có văn bản báo cáo kế hoạch hoạt động kinh doanh trong thời gian tới. Công ty đã thực hiện tìm hiểu thị trường, tìm kiếm cơ hội chuyển đổi ngành nghề đầu tư, tuy nhiên chưa có phương án khả thi. Do đó, trong thời gian tới, Công ty đề xuất phương án theo hướng:

(i) Công ty tiếp tục tìm kiếm đối tác hợp tác đầu tư để sử dụng cơ sở vật chất tiếp tục sản xuất, kinh doanh điều hoặc chuyển đổi kinh doanh ngành nghề khác với ngành nghề chế biến điều, khi đó công ty báo cáo UBND tỉnh Lâm Đồng xin ý kiến triển khai.

(ii) Trong trường hợp Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng không tìm được nhà hợp tác đầu tư sản xuất kinh doanh thì sẽ giao trả lại diện tích đất thuê cho Nhà nước quản lý, khi có nhà đầu tư đề xuất thực hiện dự án đầu tư tại vị trí này thì đề nghị chủ đầu tư mới cùng Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng thương lượng khoản chi phí đầu tư cơ sở vật chất hiện có để hoàn trả cho Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng.

Đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2025, Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng chưa xây dựng được phương án cụ thể và tìm kiếm được đối tác hợp tác, do đó tài sản cố định nhận bàn giao từ Công ty Điều sang Công ty đang chưa được đưa vào sử dụng.

32. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Megram

Công ty Cổ phần Elmich

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và người có liên quan

Mối quan hệ

Công ty mẹ

Công ty cùng Công ty mẹ

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

		Từ 01/04/2024 đến 31/03/2025	Từ 01/04/2023 đến 31/03/2024
		VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		187.037.038	74.621.510
Công ty Cổ phần Elmich		187.037.038	-
Công ty Cổ phần Megram		-	74.621.510
Doanh thu tài chính		166.356.164	74.794.520
Công ty Cổ phần Elmich		166.356.164	-
Công ty TNHH Chế biến Điều xuất khẩu Lâm Đồng		-	74.794.520
Chi phí quản lý doanh nghiệp		1.692.564.115	1.455.882.720
Công ty Cổ phần Elmich		27.819.540	-
Công ty Cổ phần Megram		1.664.744.575	1.455.882.720
	Chức vụ	Từ 01/04/2024 đến 31/03/2025	Từ 01/04/2023 đến 31/03/2024
		VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt			
Thù lao thành viên Hội đồng quản trị			
- Đinh Thị Mộng Vân	Chủ tịch	37.000.000	38.000.000
- Đỗ Thành Trung	Thành viên	1.000.000	2.000.000
- Trần Chí Sơn	Thành viên	31.000.000	32.000.000
- Nguyễn Công Lâm	Thành viên	16.000.000	309.310.051
	(Miễn nhiệm ngày 27 tháng 09 năm 2024)		
- Nguyễn Phú Cường	Thành viên	9.000.000	-
	(Bổ nhiệm ngày 27 tháng 09 năm 2024)		
- Nguyễn Lương Tâm	Thành viên	15.000.000	-
	(Bổ nhiệm ngày 27 tháng 09 năm 2024)		
- Lê Trung Thành	Thành viên	16.000.000	19.500.000
	(Miễn nhiệm ngày 27 tháng 09 năm 2024)		
		125.000.000	400.810.051
Thù lao thành viên Ban kiểm soát			
- Nguyễn Đình Chương	Trưởng ban	30.000.000	30.000.000
- Nguyễn Thị Yến	Thành viên	6.000.000	-
	(Bổ nhiệm ngày 27 tháng 09 năm 2024)		
- Nguyễn Lương Tâm	Thành viên	6.000.000	12.000.000
	(Miễn nhiệm ngày 27 tháng 09 năm 2024)		
- Phạm Hữu Hà	Thành viên	12.000.000	12.000.000
		54.000.000	54.000.000

	Chức vụ	Từ 01/04/2024 đến 31/03/2025	Từ 01/04/2023 đến 31/03/2024
		VND	VND
Tiền lương, thưởng của Tổng Giám đốc và người quản lý khác			
- Đỗ Thành Trung	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 15 tháng 08 năm 2024)	1.000.000	2.000.000
- Đặng Minh Tuyền	Phó Tổng Giám đốc	571.685.000	-
- Lê Thúy Hằng	Phó Tổng Giám đốc	161.017.308	494.881.667
- Phan Thị Cúc Hương	Giám đốc tài chính	127.782.692	396.103.200
- Nguyễn Công Lâm	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 15 tháng 08 năm 2024)	193.348.077	309.310.051
- Phan Anh Tú	Kế toán trưởng	348.940.000	292.465.000
		1.403.773.077	1.494.759.918

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

Lâm Đồng, ngày 28 tháng 06 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc Nhà máy



Đinh Thị Ngọc Hạnh



Phan Anh Tú



Nguyễn Hồng Đức

